

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng thi: THPT Đoan Hùng

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm U.T	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
1	001	100001	LIU THẾ AN	Nam	09/10/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,7	5,9	0,00	5,50	2,75	2,50	
2	001	100002	NGUYỄN VĂN AN	Nam	22/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	6,9	0,00	6,75	1,50	7,50	
3	001	100003	SÂM XUÂN AN	Nam	28/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Cao Lan	Tốt	Khá	14,2	7,8	0,50	7,00	4,25	7,75	DT;
4	001	100004	TRẦN THU AN	Nữ	03/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,2	0,00	7,25	4,25	7,75	
5	001	100005	HOÀNG VIỆT ANH	Nam	09/01/2004	Bệnh viện Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,4	0,00	6,25	9,00	7,75	
6	001	100006	LÃ HOÀNG ANH	Nam	22/11/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,1	6,4	0,00	5,75	8,75	6,75	
7	001	100007	LÃ PHƯƠNG ANH	Nữ	30/10/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,7	0,00	7,75	2,75	4,25	
8	001	100008	LÊ HOÀNG ANH	Nam	25/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	6,9	0,00	5,00	7,25	6,25	
9	001	100009	LÊ HOÀNG ANH	Nam	10/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,2	0,00	6,50	2,75	4,00	
10	001	100010	LÊ KIỀU ANH	Nữ	08/05/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,9	0,00	8,25	9,25	8,00	
11	001	100011	LÊ NGỌC ANH	Nam	25/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	12,7	6,3	0,00	6,25	3,75	5,75	
12	001	100012	LÊ NGUYỄN HẢI ANH	Nữ	22/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,8	9,1	0,00	6,75	7,00	7,75	
13	001	100013	MAI HOÀNG ANH	Nam	01/07/2004	BV Ngô Quyền - TP Hà Nội	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,1	0,00	6,75	5,00	6,25	
14	001	100014	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nữ	29/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,9	0,00	6,50	4,25	6,50	
15	001	100015	NGUYỄN KIỀU ANH	Nữ	28/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,1	8,0	0,00	7,50	7,00	6,25	
16	001	100016	NGUYỄN KIM ANH	Nữ	01/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,8	8,1	0,00	8,75	6,50	5,00	
17	001	100017	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	29/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,2	0,00	6,00	4,00	4,00	
18	001	100018	NGUYỄN LÊ VIỆT ANH	Nam	10/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,9	0,00	7,25	9,50	7,75	
19	001	100019	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	01/12/2004	Bệnh Viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,1	0,00	7,50	7,75	7,75	
20	001	100020	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	26/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,8	0,00	7,25	6,50	7,00	
21	001	100021	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	29/10/2004	Bệnh Viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,3	0,00	6,75	6,50	7,50	
22	001	100022	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	24/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,3	0,00	7,00	6,75	6,00	
23	001	100023	NGUYỄN VŨ VIỆT ANH	Nữ	05/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,6	0,00	7,50	6,75	7,75	
24	001	100024	PHẠM VĂN ANH	Nữ	01/12/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,5	8,0	0,00	7,25	7,25	3,50	
25	002	100025	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	11/05/2004	Yên Sơn - Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,3	0,00	8,00	8,00	7,25	
26	002	100026	TRẦN THỊ LAN ANH	Nữ	23/12/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,6	8,3	0,00	8,25	2,00	7,75	
27	002	100027	ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	03/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,7	0,00	7,25	3,25	4,00	
28	002	100028	LÊ NGỌC ÁNH	Nữ	16/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,1	0,00	6,25	5,00	7,75	
29	002	100029	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	04/04/2004	Trạm y tế xã Nghinh Xuyên	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,9	0,50	7,75	6,25	5,75	VĐBKK;
30	002	100030	NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	Nữ	06/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,0	0,00	7,25	1,75	3,50	
31	002	100031	PHẠM NGỌC ÁNH	Nữ	04/02/2004	BV tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,3	0,00	7,75	4,75	8,00	
32	002	100032	PHÙNG NGỌC ÁNH	Nữ	10/09/2004	BV Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,8	0,00	8,75	5,75	8,00	
33	002	100033	TRẦN NGỌC ÁNH	Nữ	19/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,2	0,00	7,25	5,50	8,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
34	002	100034	VŨ THỊ KIM ÁNH	Nữ	13/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,3	6,9	0,00	4,75	1,25	2,50	
35	002	100035	VŨ XUÂN BÁCH	Nam	03/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,4	0,00	5,75	3,75	7,75	
36	002	100036	PHAM GIA BẢO	Nam	10/06/2004	BVĐK Thủ Đức	Kinh	Tốt	Khá	15,1	6,9	0,00	6,75	2,75	7,75	
37	002	100037	PHẠM KIỀU CHANG	Nữ	02/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,2	0,00	5,50	3,50	4,25	
38	002	100038	TRƯƠNG KHÁNH CHÂU	Nam	09/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,1	6,8	0,00	7,00	4,00	6,50	
39	002	100039	BÙI THỊ LINH CHI	Nữ	10/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,8	0,00	6,75	3,25	3,50	
40	002	100040	ĐẶNG MAI CHI	Nữ	02/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,8	8,9	0,00	7,75	5,25	7,25	
41	002	100041	HÀ MAI CHI	Nữ	29/11/2004	Yên Sơn - Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,8	0,00	7,50	6,25	6,25	
42	002	100042	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	11/06/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	6,9	0,00	7,50	4,50	5,00	
43	002	100043	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	Nữ	30/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,7	0,00	8,50	7,25	6,25	
44	002	100044	TRẦN THỊ LINH CHI	Nữ	21/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,8	0,00	5,25	2,75	6,25	
45	002	100045	NGUYỄN VĂN CÔNG	Nam	15/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Khá	Khá	13,9	7,6	0,00	5,00	4,75	5,75	
46	002	100046	TRẦN THÀNH CÔNG	Nam	27/10/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,3	8,9	0,00	8,00	9,00	9,75	
47	002	100047	PHẠM QUỐC CƯỜNG	Nam	02/02/2004	BV Tuyên Quang	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,2	0,00	5,25	4,00	5,00	
48	002	100048	HÀ VĂN DIỆN	Nam	24/05/2004	Trung tâm y tế Đoan Hùng	Kinh	Khá	TB	11,8	5,9	0,00	5,50	0,75	3,50	
49	003	100049	LÊ THỊ HUYỀN DIỆP	Nữ	24/12/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,9	8,5	0,00	7,00	7,75	8,00	
50	003	100050	PHAN HUYỀN DIỆP	Nữ	15/09/2004	Sơn Dương - Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Khá	14,3	6,9	0,00	7,50	2,25	7,50	
51	003	100051	NGUYỄN HUY DU	Nam	22/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,7	0,00	6,25	5,25	5,75	
52	003	100052	HOÀNG THỊ NGỌC DUNG	Nữ	26/06/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,5	8,2	0,00	6,00	5,00	5,25	
53	003	100053	LÃ THỊ KIM DUNG	Nữ	20/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,1	8,0	0,00	7,50	6,50	5,50	
54	003	100054	BÙI QUANG DUY	Nam	23/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,0	0,00	6,00	5,75	7,75	
55	003	100055	KHÔNG MINH DUY	Nam	23/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,1	0,00	7,00	6,50	8,00	
56	003	100056	NGÔ ĐỖ ĐỨC DUY	Nam	13/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,5	6,4	0,00	6,00	3,50	4,25	
57	003	100057	NGUYỄN KHÁNH DUY	Nam	04/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	7,0	0,00	6,50	5,00	4,25	
58	003	100058	NGUYỄN KHƯƠNG DUY	Nam	19/05/2004	Bệnh Viện Tuyên Quang	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,2	0,00	2,00	6,00	4,50	
59	003	100059	NGUYỄN NHÂN DUY	Nam	27/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	7,0	0,00	5,00	5,25	6,50	
60	003	100060	PHẠM QUANG DUY	Nam	10/06/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,2	6,0	0,00	3,50	4,75	5,50	
61	003	100061	TRẦN KHÁNH DUY	Nam	10/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,1	0,00	3,00	2,25	2,50	
62	003	100062	CAO THỊ THU DUYÊN	Nữ	13/07/2003	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,7	0,00	8,00	4,25	7,25	
63	003	100063	PHẠM MỸ DUYÊN	Nữ	14/04/2004	BV tỉnh Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Giỏi	16,9	8,8	0,00	8,00	8,50	9,00	
64	003	100064	PHẠM THỊ HỒNG DUYÊN	Nữ	23/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,6	6,4	0,00	7,00	2,75	5,00	
65	003	100065	TRẦN MỸ DUYÊN	Nữ	23/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,6	7,6	0,00	7,50	4,75	6,25	
66	003	100066	ĐẶNG THẾ DUYỆT	Nam	29/05/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,3	0,00	4,75	4,75	6,00	
67	003	100067	LÊ MẠNH DŨNG	Nam	05/02/2004	Bệnh viện Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,1	0,00	6,25	4,50	7,75	
68	003	100068	NGÔ HOÀNG DŨNG	Nam	13/01/2004	Bệnh Viện Đoan Hùng	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,1	0,00	6,25	5,50	5,50	
69	003	100069	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	Nam	15/03/2004	BV tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,5	0,00	5,75	3,50	5,00	
70	003	100070	NGUYỄN QUYẾT TIẾN DŨNG	Nam	31/08/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,5	8,2	0,00	7,75	7,00	7,25	
71	003	100071	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	04/09/2004	BV tỉnh Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Khá	13,3	6,7	0,00	4,50	4,50	7,75	
72	003	100072	PHẠM TIẾN DŨNG	Nam	19/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,7	0,00	6,25	5,50	5,75	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm U.T	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
73	004	100073	NGUYỄN MẠNH DƯƠNG	Nam	29/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,2	0,00	6,00	5,00	7,50	
74	004	100074	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	04/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,5	0,00	6,75	6,25	6,25	
75	004	100075	TRẦN ĐĂNG DƯƠNG	Nam	21/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,8	0,50	5,50	6,25	4,25	VĐBKK;
76	004	100076	VŨ QUANG DƯƠNG	Nam	21/01/2004	Bệnh Viện Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,6	0,00	6,75	5,00	7,75	
77	004	100077	TRẦN THỊ ĐÀO	Nữ	16/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,3	0,00	6,75	4,50	7,50	
78	004	100078	ĐẶNG THÀNH ĐẠT	Nam	05/06/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,6	0,00	3,50	3,75	7,50	
79	004	100079	LÊ THÀNH ĐẠT	Nam	27/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,1	0,00	6,00	2,50	5,00	
80	004	100080	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	Nam	21/03/2004	Bệnh Viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,8	0,00	7,50	4,75	8,00	
81	004	100081	VŨ HẢI ĐĂNG	Nam	29/06/2004	Yên Sơn - Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,1	0,00	6,50	5,25	8,50	
82	004	100082	VŨ CÔNG ĐOÀN	Nam	08/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	6,9	0,50	6,00	1,50	7,75	VĐBKK;
83	004	100083	LÊ QÚI ĐÔ	Nam	19/06/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	7,0	0,00	2,25	6,75	7,75	
84	004	100084	ĐẶNG MINH ĐỨC	Nam	03/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,2	0,00	5,00	3,25	4,25	
85	004	100085	HÀ MẠNH ĐỨC	Nam	26/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Nùng	Tốt	Khá	13,5	7,5	0,50	5,50	4,75	3,25	DT;
86	004	100086	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	12/09/2004	Bệnh Viện ĐK Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,1	0,00	5,00	4,75	4,00	
87	004	100087	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	Nam	27/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,6	6,7	0,00	6,00	4,00	4,00	
88	004	100088	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	Nam	14/08/2004	BVĐK tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,4	0,00	5,50	3,75	5,75	
89	004	100089	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	Nam	22/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,0	8,1	0,00	5,50	4,25	7,75	
90	004	100090	PHẠM TRUNG ĐỨC	Nam	31/08/2004	Trạm y tế xã Nghinh Xuyên	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,7	0,50	5,75	5,25	5,25	VĐBKK;
91	004	100091	ĐẶNG THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	18/07/2004	Trạm y tế xã Phong Phú	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,0	0,00	5,25	2,75	4,75	
92	004	100092	LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	16/02/2004	Trạm y tế xã Thổ Tang	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,5	0,00	6,50	5,75	8,50	
93	004	100093	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	12/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Khá	Khá	13,6	6,8	0,00	6,75	3,50	4,25	
94	004	100094	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	12/12/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,5	6,7	0,00	6,50	1,50	3,50	
95	004	100095	TRẦN HƯƠNG GIANG	Nữ	01/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	8,2	0,00	7,75	6,50	6,00	
96	004	100096	TRẦN THU GIANG	Nữ	14/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,7	0,00	7,25	5,50	4,50	
97	005	100097	TRẦN THỊ NGỌC HÀ	Nữ	30/07/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,1	6,1	0,00	3,00	0,50	2,25	
98	005	100098	TRẦN THU HÀ	Nữ	10/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,2	8,2	0,00	6,75	8,00	4,75	
99	005	100099	ĐÀO DUY HẢI	Nam	15/03/2004	Trạm y tế Phong Phú	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,1	0,00	5,00	4,75	5,50	
100	005	100100	NGUYỄN MẠNH HẢI	Nam	24/10/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,3	6,1	0,00	5,75	1,50	4,00	
101	005	100101	TRẦN NGỌC HẢI	Nam	19/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,3	0,00	6,50	4,75	6,00	
102	005	100102	HÀ HỒNG HẠNH	Nữ	17/06/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,3	0,00	8,25	6,25	8,00	
103	005	100103	NGUYỄN THÚY HẠNH	Nữ	03/06/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,9	8,8	0,00	8,00	5,00	7,75	
104	005	100104	PHẠM THỊ BÍCH HẠNH	Nữ	23/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,1	8,6	0,00	7,25	7,00	9,25	
105	005	100105	TRẦN THU HẠNH	Nữ	27/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,9	0,00	7,50	7,75	5,75	
106	005	100106	LƯƠNG THỊ HẰNG	Nữ	31/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,3	0,00	6,75	4,25	5,00	
107	005	100107	TRẦN THANH HẰNG	Nữ	11/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,7	0,00	5,00	3,50	2,75	
108	005	100108	VŨ THỊ THÚY HẰNG	Nữ	10/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,6	7,1	0,00	4,75	5,25	4,00	
109	005	100109	TRẦN BẢO HÂN	Nữ	14/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	7,0	0,00	6,50	4,50	3,25	
110	005	100110	HOÀNG PHƯƠNG HẬU	Nữ	26/02/2004	Quang Bình - Hà Giang	Tày	Khá	TB	11,2	6,2	0,50	6,75	2,25	2,75	DT;
111	005	100111	LÊ THỊ HIỀN	Nữ	20/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,7	0,50	6,75	2,75	3,75	VĐBKK;

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
112	005	100112	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	02/08/2004	BV tỉnh Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,5	0,00	7,00	6,25	7,75	
113	005	100113	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	04/01/2004	BV Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,5	0,00	7,75	7,25	8,00	
114	005	100114	PHAN THU HIỀN	Nữ	16/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,0	6,8	0,00	5,75	4,75	5,00	
115	005	100115	BÙI NGỌC HIẾU	Nam	07/05/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,3	0,00	5,00	1,50	5,50	
116	005	100116	ĐẶNG TRUNG HIẾU	Nam	22/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,1	0,00	6,50	4,50	6,00	
117	005	100117	ĐỖ THỊ MAI HIẾU	Nữ	01/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,4	0,00	6,50	4,75	4,00	
118	005	100118	LÊ ĐỨC HIẾU	Nam	10/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	8,2	0,00	5,75	9,25	8,00	
119	005	100119	NGUYỄN MANH HIẾU	Nam	19/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,1	0,00	5,75	4,50	7,00	
120	005	100120	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	06/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,3	0,00	6,25	6,50	7,50	
121	006	100121	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	26/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	12,5	6,3	0,00	7,00	2,50	5,25	
122	006	100122	DOÃN THỊ HOA	Nữ	04/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,5	0,50	7,75	4,50	8,00	VĐBKK;
123	006	100123	CAO CÔNG HOÀN	Nam	09/09/2003	Trạm y tế xã Phú Thứ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	6,9	0,00	5,50	2,75	7,75	
124	006	100124	LƯƠNG THỊ HOÀI	Nữ	06/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,5	0,00	6,50	3,50	7,75	
125	006	100125	NGUYỄN THỊ HƯƠNG HOÀN	Nữ	01/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	6,7	0,50	7,50	2,25	3,50	VĐBKK;
126	006	100126	ĐẶNG HUY HOÀNG	Nam	29/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,6	0,00	6,25	3,75	7,25	
127	006	100127	HÀ NGỌC HOÀNG	Nam	12/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,1	0,00	7,50	3,75	8,00	
128	006	100128	HÀ VĂN HOÀNG	Nam	03/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,7	5,8	0,00	6,00	1,75	3,75	
129	006	100129	LÊ NGUYỄN HOÀNG	Nam	20/12/2004	BVĐK Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,3	0,00	7,50	6,50	7,75	
130	006	100130	THÂM HUY HOÀNG	Nam	11/10/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,0	0,00	7,50	6,50	8,00	
131	006	100131	LƯU VIỆT HÒA	Nam	27/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,1	0,00	7,00	5,25	7,75	
132	006	100132	NGÔ NGỌC HỒNG	Nam	10/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	TB	TB	10,7	5,6	0,00	6,25	1,75	2,75	
133	006	100133	NGUYỄN THỊ KIM HỒNG	Nữ	13/10/2004	BV Phú Thọ - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,0	8,5	0,00	7,25	6,25	8,00	
134	006	100134	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	26/03/2004	Tuy Phước - Bình Định	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,6	0,00	7,50	6,25	7,25	
135	006	100135	TRẦN THỊ HUỆ	Nữ	24/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,8	0,00	6,25	6,00	5,25	
136	006	100136	TRẦN THỊ KIM HUỆ	Nữ	10/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,4	6,8	0,00	7,25	2,75	3,50	
137	006	100137	DƯƠNG QUANG HUY	Nam	23/05/2004	Trung tâm y tế Đoàn Hùng	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,3	0,00	7,25	3,75	7,25	
138	006	100138	ĐINH NGUYỄN TRỌNG HUY	Nam	17/10/2004	BVĐK tỉnh Bình Dương	Kinh	Tốt	Giỏi	14,8	8,1	0,00	7,50	5,25	5,00	
139	006	100139	LƯƠNG VĂN HUY	Nam	26/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,2	6,3	0,00	6,50	3,75	5,75	
140	006	100140	NGUYỄN KHẮC HUY	Nam	26/07/2004	BV Phú Thọ - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,0	8,4	0,00	6,00	8,75	7,75	
141	006	100141	NGUYỄN VIỆT HUY	Nam	11/09/2004	Bệnh Viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,0	0,00	5,50	4,25	7,75	
142	006	100142	NÔNG QUANG HUY	Nam	14/09/2004	BVĐK Tuyên Quang	Nùng	Tốt	Khá	14,9	7,8	0,50	5,50	6,75	5,25	CDT;
143	006	100143	BÙI THỊ HUYỀN	Nữ	06/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,5	0,00	5,75	2,00	3,50	
144	006	100144	BÙI THỊ THANH HUYỀN	Nữ	05/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	7,2	0,00	5,50	7,00	4,25	
145	007	100145	BÙI THU HUYỀN	Nữ	27/12/2004	Trạm y tế xã Nghinh Xuyên	Kinh	Tốt	Khá	11,8	6,6	0,00	6,50	3,50	4,50	
146	007	100146	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	05/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,7	0,00	6,50	5,00	6,00	
147	007	100147	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	04/09/2004	Bệnh Viện Đoàn Hùng	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,7	0,00	8,75	4,00	3,00	
148	007	100148	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	24/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,5	0,00	6,00	5,00	4,75	
149	007	100149	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	17/08/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,3	0,00	8,25	6,75	8,25	
150	007	100150	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	01/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,5	1,00	7,75	4,50	6,25	CBB2;

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
151	007	100151	TRẦN THỊ THU HUYỀN	Nữ	09/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	6,8	0,50	8,25	3,00	3,25	VĐBKK;
152	007	100152	PHAN QUANG HÙNG	Nam	21/07/2004	Sơn Dương - Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Khá	15,0	6,9	0,00	6,50	3,00	8,50	
153	007	100153	NGUYỄN THÀNH HÙNG	Nam	07/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,5	0,00	7,75	6,25	6,25	
154	007	100154	PHẠM QUỐC HÙNG	Nam	18/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,7	7,1	0,50	6,25	2,50	7,00	VĐBKK;
155	007	100155	PHẠM TUẤN HÙNG	Nam	13/12/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,7	0,00	7,75	6,75	6,00	
156	007	100156	ĐÀO LÊ MAI HƯƠNG	Nữ	07/01/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,9	0,00	8,00	5,75	6,50	
157	007	100157	HOÀNG THU HƯƠNG	Nữ	03/02/2004	Bệnh viện Đoan Hùng	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,7	0,00	6,00	3,50	3,50	
158	007	100158	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	01/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,4	0,50	8,00	3,50	4,75	VĐBKK;
159	007	100159	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	22/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,6	0,00	5,25	6,50	5,00	
160	007	100160	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	15/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,5	8,4	0,00	7,75	7,75	4,00	
161	007	100161	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	Nữ	21/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,6	0,00	8,50	5,00	4,50	
162	007	100162	VŨ LAN HƯƠNG	Nữ	11/04/2004	Bệnh Viện Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,4	0,00	7,00	5,00	3,75	
163	007	100163	VŨ LAN HƯƠNG	Nữ	26/04/2004	Hạ Hòa - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,9	0,00	8,50	7,75	8,00	
164	007	100164	ĐỖ THÚY HƯỜNG	Nữ	17/02/2004	BV Đoan Hùng	Kinh	Tốt	Giỏi	16,6	8,5	0,00	8,25	6,25	7,00	
165	007	100165	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Nữ	21/08/2004	BV Phụ sản Hà Nội	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,8	0,00	7,25	5,50	4,75	
166	007	100166	VŨ KIM KHÁNH	Nữ	26/05/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,3	8,3	0,50	7,50	7,75	8,00	VĐBKK;
167	007	100167	VŨ NGỌC KHÁNH	Nam	21/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,4	0,00	7,00	6,25	7,00	
168	007	100168	NGUYỄN VĂN KIÊN	Nam	12/10/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,2	0,00	6,75	6,25	4,25	
169	008	100169	NGUYỄN VĂN KIÊN	Nam	23/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,0	0,00	6,25	3,50	6,50	
170	008	100170	PHAN TRUNG KIÊN	Nam	10/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,2	0,00	7,00	5,50	6,50	
171	008	100171	ĐẶNG TUẤN KIẾT	Nam	09/10/2004	Tràng Thi - Hà Nội	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,8	0,00	7,00	5,00	5,00	
172	008	100172	LÊ MỸ LAM	Nữ	21/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,8	6,7	0,00	6,50	4,50	4,00	
173	008	100173	NGUYỄN PHƯƠNG LAN	Nữ	10/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,7	6,4	0,00	5,25	1,25	3,25	
174	008	100174	NGUYỄN ĐỨC LÂM	Nam	18/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	15,0	8,0	0,50	6,50	6,00	7,50	CDT;
175	008	100175	HOÀNG NGUYỄN LÂN	Nam	14/10/2004	Bệnh Viện Việt Trì	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,2	0,00	8,00	5,00	8,00	
176	008	100176	LƯU QUỐC LÂN	Nữ	22/06/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,2	0,00	6,75	4,50	5,50	
177	008	100177	NGUYỄN THỊ NHẬT LÊ	Nữ	19/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,1	0,00	5,50	5,25	4,75	
178	008	100178	PHÙNG THỊ KIM LIÊN	Nữ	30/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,7	6,8	0,50	6,50	2,00	3,00	VĐBKK;
179	008	100179	HÀ THỊ LIÊU	Nữ	23/12/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,0	6,3	0,00	4,50	2,25	4,50	
180	008	100180	HOÀNG THỊ DƯƠNG LIÊU	Nữ	05/11/2004	BV Hùng Vương	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,2	0,00	7,00	5,25	4,75	
181	008	100181	HOÀNG THỊ THU LINH	Nữ	13/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,8	0,00	7,00	3,75	5,00	
182	008	100182	LÊ DIỆU LINH	Nữ	06/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,3	0,00	7,50	3,50	5,00	
183	008	100183	LÊ THỊ LINH	Nữ	04/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	7,0	0,00	6,25	2,25	4,75	
184	008	100184	NGÔ THỊ THÙY LINH	Nữ	01/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	6,7	0,00	6,00	2,75	5,50	
185	008	100185	NGUYỄN DIỆU LINH	Nữ	16/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	6,6	0,00	6,25	3,50	5,25	
186	008	100186	NGUYỄN MAI LINH	Nữ	14/09/2004	Trạm y tế xã Đại Nghĩa	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,3	0,00	7,25	4,75	5,75	
187	008	100187	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	28/10/2004	Trạm y tế xã Nghinh Xuyên	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,8	0,00	3,75	3,50	4,25	
188	008	100188	NGUYỄN THỊ BẢO LINH	Nữ	28/05/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,5	8,0	0,00	8,50	4,50	5,50	
189	008	100189	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	11/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,4	0,00	7,75	3,50	5,25	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
190	008	100190	NGUYỄN THỊ YẾN LINH	Nữ	13/03/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,2	0,00	7,50	5,00	7,00	
191	008	100191	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	22/06/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,5	0,00	7,00	5,25	8,00	
192	008	100192	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	17/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,5	0,00	8,00	3,25	6,00	
193	009	100193	PHAN THÙY LINH	Nữ	02/01/2004	BV Yên Bái - Tỉnh Yên Bái	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,5	0,00	8,50	7,75	8,00	
194	009	100194	PHẠM THÙY LINH	Nữ	08/01/2004	Bệnh Viện Đoan Hùng	Kinh	Tốt	Giỏi	15,2	8,0	0,00	6,75	8,00	6,00	
195	009	100195	THÁI LÊ BẢO LINH	Nữ	13/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,3	0,00	7,50	5,25	3,75	
196	009	100196	TRẦN DIỆU LINH	Nữ	05/07/2004	BV Việt Trì - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,4	0,50	7,50	6,00	5,25	VĐBKK;
197	009	100197	TRẦN THÙY LINH	Nữ	06/07/2004	Trạm y tế xã Phong Phú	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,1	0,00	6,00	8,50	5,50	
198	009	100198	TRIỆU LINH	Nữ	11/05/2004	Trạm y tế xã Yên Kien	Kinh	Tốt	Giỏi	17,1	8,9	0,50	8,00	6,00	6,75	VĐBKK;
199	009	100199	VŨ NGỌC LINH	Nữ	14/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,6	0,00	8,25	6,75	4,50	
200	009	100200	ĐINH HẢI LONG	Nam	17/06/2004	BV A Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,8	0,00	5,50	7,50	5,00	
201	009	100201	ĐINH TRẦN BẢO LONG	Nam	20/07/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,3	0,00	6,00	7,75	6,25	
202	009	100202	LÊ VŨ BẢO LONG	Nam	22/10/2004	Bệnh viện phú thọ	Kinh	Khá	TB	9,7	5,5	0,00	2,75	1,00	3,50	
203	009	100203	LƯƠNG PHI LONG	Nam	18/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,7	6,2	0,00	6,75	2,75	4,00	
204	009	100204	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	29/01/2004	Bệnh viện Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,5	0,00	7,25	7,75	5,00	
205	009	100205	NGÔ ĐỨC LỘC	Nam	20/10/2004	Bệnh xá Z129	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,3	0,00	5,75	4,00	6,50	
206	009	100206	TRẦN VĂN LỘC	Nam	04/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	6,5	0,50	6,00	4,25	3,75	VĐBKK;
207	009	100207	TRIỆU THỊ THU LƯƠNG	Nữ	31/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,6	0,00	6,50	7,00	6,00	
208	009	100208	CHU DIỆU LY	Nữ	22/05/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,3	0,00	8,50	5,50	6,25	
209	009	100209	NGUYỄN HÀ LY	Nữ	14/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,5	0,00	8,00	3,25	6,00	
210	009	100210	NGUYỄN HƯƠNG LY	Nữ	21/06/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,3	0,00	8,00	6,25	6,25	
211	009	100211	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	10/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	8,0	0,00	7,00	5,75	6,25	
212	009	100212	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	03/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,4	7,2	0,00	6,00	2,75	4,25	
213	009	100213	NGUYỄN NGỌC LY	Nữ	24/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,6	0,00	7,50	6,75	8,00	
214	009	100214	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	Nữ	27/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,6	0,00	7,00	8,50	8,00	
215	009	100215	PHAM KHÁNH LY	Nữ	19/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,8	0,00	7,75	4,50	7,00	
216	009	100216	BÙI THỊ MAI	Nữ	13/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,2	6,4	0,00	6,00	1,25	5,25	
217	010	100217	DU BAN MAI	Nữ	20/01/2004	Nguyên Bình - Cao Bằng	Nùng	Tốt	Giỏi	17,3	8,7	0,50	7,00	6,75	5,25	DT;
218	010	100218	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	16/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,4	8,8	0,50	8,25	6,25	6,50	VĐBKK;
219	010	100219	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	10/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,4	0,00	6,00	2,50	4,00	
220	010	100220	NGUYỄN NHẬT MAI	Nữ	28/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,4	8,4	0,00	7,00	7,00	8,00	
221	010	100221	TRẦN THỊ TUYẾT MAI	Nữ	27/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,1	0,00	6,50	5,75	6,50	
222	010	100222	ĐỖ XUÂN MANH	Nam	10/10/2004	Yên Sơn - Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,2	0,00	6,00	3,50	3,75	
223	010	100223	TRẦN ĐỨC MANH	Nam	09/01/2004	Lập Thạch - Vĩnh Phúc	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,5	0,00	7,00	5,25	5,50	
224	010	100224	TRẦN TIẾN MẠNH	Nam	23/05/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,5	0,00	7,00	4,50	5,00	
225	010	100225	NGÔ HỒNG MINH	Nữ	10/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,1	0,00	7,50	3,75	7,25	
226	010	100226	NGUYỄN NHẬT MINH	Nam	20/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,4	0,00	6,50	5,25	7,50	
227	010	100227	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	23/10/2004	Trạm y tế xã Thọ Lộc	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,8	1,50	4,75	6,00	6,00	CBB1;
228	010	100228	NGUYỄN VĂN MINH	Nam	12/12/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	8,0	0,00	6,50	6,50	6,25	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
229	010	100229	VŨ ĐỨC MINH	Nam	15/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,0	8,2	0,00	6,75	5,50	7,25	
230	010	100230	NGUYỄN HƯƠNG MƠ	Nữ	18/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,8	8,1	0,00	8,50	6,50	8,00	
231	010	100231	BÙI TRÀ MY	Nữ	27/10/2004	BVĐK Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,2	9,0	0,00	8,00	7,75	8,00	
232	010	100232	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	07/06/2003	TP Yên Bái	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,9	0,00	6,50	4,50	2,75	
233	010	100233	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	20/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,8	6,2	0,00	6,25	4,50	5,00	
234	010	100234	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	05/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,9	0,00	5,50	5,75	6,50	
235	010	100235	PHẠM TRÀ MY	Nữ	04/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,5	0,00	6,50	6,75	7,75	
236	010	100236	CHU VĂN NAM	Nam	07/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,4	0,00	7,00	4,25	4,25	
237	010	100237	ĐẶNG QUỐC NAM	Nam	18/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,1	0,00	7,00	3,75	6,00	
238	010	100238	HÀ THÀNH NAM	Nam	09/09/2004	BVPhú Thọ - Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,0	8,5	0,00	6,50	8,50	6,50	
239	010	100239	LÊ THÀNH NAM	Nam	08/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,7	0,00	7,50	6,25	7,25	
240	010	100240	NGUYỄN DUY NAM	Nam	12/11/2004	Bệnh Viện A Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Khá	16,9	7,9	0,00	7,25	6,00	9,00	
241	011	100241	NGUYỄN HẢI NAM	Nam	14/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,9	0,00	6,25	5,25	8,00	
242	011	100242	NGUYỄN QUANG NAM	Nam	07/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,5	5,6	0,50	4,50	1,50	5,25	VĐBKK;
243	011	100243	TRẦN HẢI NAM	Nam	26/07/2004	Bệnh viện Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,4	0,00	5,75	6,25	6,75	
244	011	100244	TRỊNH HOÀI NAM	Nam	25/05/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	8,0	0,00	5,50	6,25	5,75	
245	011	100245	HOÀNG THỊ THU NGA	Nữ	04/05/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,1	0,50	6,00	3,25	5,00	VĐBKK;
246	011	100246	NGHIÊM QUỲNH NGA	Nữ	12/12/2003	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	8,0	0,00	7,00	8,25	5,25	
247	011	100247	PHAN THỊ THÚY NGA	Nữ	07/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,5	0,00	7,00	6,25	6,25	
248	011	100248	BÙI THỊ NGÂN	Nữ	29/10/2004	Trạm y tế xã Hùng Quan	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,2	0,00	5,50	3,50	5,25	
249	011	100249	ĐINH PHƯƠNG NGÂN	Nữ	01/05/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	6,7	0,00	5,50	2,75	3,50	
250	011	100250	NGHIÊM PHƯƠNG NGÂN	Nữ	12/12/2003	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	8,3	0,00	7,50	8,25	7,75	
251	011	100251	NGUYỄN THỊ NGÂN	Nữ	28/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,5	0,00	5,75	3,00	3,75	
252	011	100252	TRẦN THỊ NGÂN	Nữ	21/05/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,2	0,00	6,75	4,00	5,50	
253	011	100253	VŨ THÚY NGÂN	Nữ	30/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,8	0,00	6,25	4,50	6,50	
254	011	100254	ĐÀO ĐỨC NGHĨA	Nam	25/03/2004	Trạm y tế xã Phong Phú	Kinh	Tốt	Giỏi	16,9	8,6	0,00	7,00	6,25	8,00	
255	011	100255	ĐÀO THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	07/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,6	0,00	6,00	4,75	5,00	
256	011	100256	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	03/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,1	0,00	7,00	3,75	4,50	
257	011	100257	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	01/10/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,9	0,00	5,50	5,50	4,75	
258	011	100258	PHẠM MINH NGỌC	Nam	13/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,1	0,50	6,00	3,75	4,75	VĐBKK;
259	011	100259	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	12/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,3	0,00	5,50	5,25	4,75	
260	011	100260	BÙI MINH NGUYỆT	Nữ	12/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,3	0,00	7,00	4,00	6,00	
261	011	100261	NGUYỄN ÁNH NGUYỆT	Nữ	11/10/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,3	0,00	5,75	5,75	8,00	
262	011	100262	NGUYỄN THỊ THANH NHÂN	Nữ	28/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,6	0,00	5,75	4,00	3,75	
263	011	100263	NGUYỄN LÂM NHI	Nữ	08/08/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,2	6,5	0,00	6,50	6,75	2,00	
264	011	100264	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	13/10/2004	Lâm Thao - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,6	0,00	6,00	2,75	3,75	
265	012	100265	PHAN THỊ NHUNG	Nữ	10/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	5,9	0,00	7,00	1,25	2,00	
266	012	100266	BÙI THỊ OANH	Nữ	02/11/2004	Yên Sơn - Tuyên Quang	Kinh	Tốt	TB	12,2	6,8	0,00	6,00	0,75	4,00	
267	012	100267	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Nữ	22/12/2004	Sơn Dương - Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,7	0,00	7,50	3,75	6,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
268	012	100268	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Nữ	27/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,2	8,1	0,00	7,00	3,25	5,00	
269	012	100269	PHÙNG MAI OANH	Nữ	01/06/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,0	0,00	7,00	5,50	6,00	
270	012	100270	TRẦN KIM OANH	Nữ	26/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,1	0,00	7,75	6,25	6,00	
271	012	100271	NGUYỄN PHAN	Nam	24/10/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,3	0,00	6,00	4,00	5,75	
272	012	100272	NGÔ HỒNG PHONG	Nam	20/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	TB	TB	10,8	6,0	0,00	5,25	1,75	4,25	
273	012	100273	LÊ MINH PHÚ	Nữ	16/06/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,7	8,6	0,00	8,75	7,25	8,50	
274	012	100274	ĐÀO THU PHƯƠNG	Nữ	30/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,0	8,5	0,00	7,00	7,25	5,75	
275	012	100275	ĐỖ THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	14/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,5	7,9	0,00	7,00	6,25	6,75	
276	012	100276	ĐỖ THU PHƯƠNG	Nữ	13/07/2004	Trạm y tế xã Ca Đình	Kinh	Tốt	Giỏi	17,0	8,7	0,00	7,75	8,50	8,75	
277	012	100277	LÊ THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	28/05/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,9	0,00	5,75	6,75	8,00	
278	012	100278	LƯƠNG MINH PHƯƠNG	Nam	30/04/2004	Trung tâm y tế Đoan Hùng	Kinh	Tốt	TB	10,3	5,9	0,00	5,00	3,75	5,00	
279	012	100279	PHAN THU PHƯƠNG	Nữ	17/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	7,5	0,00	8,00	5,50	5,75	
280	012	100280	PHẠM DUY PHƯƠNG	Nam	21/02/2004	Bệnh viện Tuyên Quang	Nùng	Tốt	Khá	14,3	7,7	0,50	7,25	6,00	6,25	DT;
281	012	100281	TRẦN HOÀI PHƯƠNG	Nữ	03/12/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,9	0,00	7,00	3,75	3,00	
282	012	100282	VŨ THU PHƯƠNG	Nữ	16/10/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,5	0,00	7,75	5,50	5,50	
283	012	100283	NGUYỄN VŨ NHẬT QUANG	Nam	28/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,5	8,4	0,00	7,00	7,75	8,00	
284	012	100284	TẠ DUY QUANG	Nam	03/08/2004	Bệnh viện Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,3	0,00	6,00	6,00	6,50	
285	012	100285	HOÀNG BÌNH QUÂN	Nam	17/12/2004	Bệnh xá Z113	Kinh	Tốt	Khá	17,0	7,8	0,00	5,25	2,50	9,25	
286	012	100286	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	Nam	09/04/2004	Bệnh viện Đoan Hùng	Kinh	Tốt	Giỏi	15,7	8,5	0,00	6,25	8,00	7,75	
287	012	100287	CAO THỰC QUYÊN	Nữ	31/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	8,0	0,00	7,50	6,75	6,75	
288	012	100288	NGUYỄN NGỌC QUYÊN	Nữ	04/06/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,6	0,00	8,25	5,25	5,50	
289	013	100289	NGUYỄN TRỌNG QUYẾT	Nam	24/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,5	7,9	0,00	5,50	3,50	6,75	
290	013	100290	TRẦN NGỌC QUYẾT	Nam	25/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,5	0,00	5,25	2,50	2,00	
291	013	100291	HOÀNG NHƯ QUỲNH	Nữ	07/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,3	0,00	6,50	5,00	5,25	
292	013	100292	LƯƠNG THU QUỲNH	Nữ	16/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,1	0,00	7,25	6,50	6,75	
293	013	100293	NGUYỄN NGỌC TRÚC QUỲNH	Nữ	24/10/2004	BV tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,0	0,00	6,50	3,25	5,50	
294	013	100294	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	13/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,6	0,00	7,50	8,25	8,00	
295	013	100295	NGUYỄN THÚY QUỲNH	Nữ	08/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,4	6,9	0,00	7,75	4,50	4,25	
296	013	100296	PHẠM DIỄM QUỲNH	Nữ	06/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,2	0,00	6,75	5,75	6,50	
297	013	100297	VŨ NHƯ QUỲNH	Nữ	09/04/2004	Trạm y tế xã Phương Trung	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,3	0,00	6,50	2,00	7,75	
298	013	100298	HOÀNG THỊ SƠN	Nữ	04/06/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,9	8,0	0,00	6,50	4,00	6,00	
299	013	100299	LÊ MINH SƠN	Nam	22/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,7	0,00	7,00	6,25	6,25	
300	013	100300	NGUYỄN HỒNG SƠN	Nam	25/11/2004	BV Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,1	0,00	5,00	3,00	6,25	
301	013	100301	TRẦN THỊ SƠN	Nữ	01/01/2004	Trạm y tế xã Nghinh Xuyên	Kinh	Tốt	Giỏi	16,0	8,3	0,00	7,00	7,50	8,00	
302	013	100302	HOÀNG TRỌNG TẤN	Nam	07/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,6	5,8	0,00	4,50	2,25	3,25	
303	013	100303	BÙI NAM PHƯƠNG THANH	Nam	17/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	6,8	0,00	7,00	5,25	6,00	
304	013	100304	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	02/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,6	0,00	8,50	6,00	5,25	
305	013	100305	NGUYỄN THỊ HỒNG THANH	Nữ	21/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,9	6,7	0,50	7,25	2,25	1,75	VĐBKK;
306	013	100306	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	Nam	28/10/2004	Trạm y tế xã Phong Phú	Kinh	Tốt	Khá	13,7	6,9	0,00	6,00	3,00	5,75	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
307	013	100307	NGUYỄN MINH THÀNH	Nam	21/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,1	5,3	0,00	1,75	1,50	0,50	
308	013	100308	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	Nam	11/12/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,4	5,8	0,00	4,00	3,25	4,75	
309	013	100309	TRẦN XUÂN THÀNH	Nam	14/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,1	6,7	0,00	4,50	6,75	5,00	
310	013	100310	VI NGOC THÀNH	Nam	28/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,0	9,1	0,00	7,50	9,00	7,75	
311	013	100311	LÝ QUỐC THÁI	Nam	16/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,0	8,1	0,00	7,75	3,00	7,75	
312	013	100312	NGUYỄN DUY THÁI	Nam	30/03/2004	BVPhú Thọ - Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,2	0,00	7,50	4,25	4,75	
313	014	100313	TRẦN TRỌNG THÁI	Nam	24/02/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,7	0,00	6,25	8,00	8,50	
314	014	100314	DƯƠNG NGOC THẢO	Nam	11/12/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Khá	Khá	12,4	6,8	0,00	5,00	3,75	5,00	
315	014	100315	HÀ THANH THẢO	Nữ	11/06/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Khá	Khá	15,2	7,6	0,00	6,50	4,75	5,75	
316	014	100316	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	22/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,1	0,00	7,50	6,75	7,50	
317	014	100317	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	12,9	6,3	0,00	5,50	5,00	4,00	
318	014	100318	TRẦN THU THẢO	Nữ	25/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,2	8,3	0,00	6,75	5,00	7,25	
319	014	100319	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	07/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,4	0,00	8,50	6,00	7,75	
320	014	100320	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	03/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,5	8,8	0,00	7,50	7,00	8,50	
321	014	100321	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	Nữ	05/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	8,0	0,00	7,50	5,50	7,25	
322	014	100322	PHẠM HỒNG THẨM	Nữ	05/10/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,0	5,8	0,00	5,00	3,75	3,75	
323	014	100323	HỒ MẠNH THẮNG	Nam	01/12/2004	BVPS Hà Nội	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,5	0,00	6,25	6,50	7,75	
324	014	100324	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	Nam	29/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,7	0,50	6,25	7,00	5,25	VĐBKK;
325	014	100325	NGUYỄN QUANG THẮNG	Nam	15/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,8	0,00	6,00	8,00	6,00	
326	014	100326	TRẦN HỒNG THẮNG	Nam	03/10/2004	Trạm y tế xã Đại Nghĩa	Kinh	Tốt	Khá	12,7	6,8	0,00	4,25	2,00	5,50	
327	014	100327	PHẠM THỊ KIM THÊU	Nữ	11/09/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,7	0,00	7,00	6,00	8,00	
328	014	100328	TRẦN ĐÌNH THI	Nam	29/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,2	7,0	0,00	4,00	4,25	6,75	
329	014	100329	VŨ THỊ THU	Nữ	13/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,1	6,6	0,00	6,25	5,75	6,25	
330	014	100330	ĐỖ THỊ THU THỦY	Nữ	12/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	6,7	0,00	7,00	4,25	4,75	
331	014	100331	LÊ MINH THÚY	Nữ	21/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,3	0,00	8,25	8,75	7,50	
332	014	100332	NGUYỄN THỊ KIM THÚY	Nữ	15/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,9	0,00	4,25	1,75	3,00	
333	014	100333	TRẦN THU THÚY	Nữ	20/11/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,4	0,00	7,75	7,00	6,25	
334	014	100334	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	Nữ	27/11/2004	Trạm y tế xã Hữu Đô	Kinh	Tốt	Giỏi	17,8	8,8	0,50	8,75	6,75	9,50	VĐBKK;
335	014	100335	PHẠM HOÀI THƯƠNG	Nữ	18/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,2	7,1	0,00	8,00	3,50	3,00	
336	014	100336	TRẦN THỊ HUYỀN THƯƠNG	Nữ	09/08/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,7	7,7	0,00	7,75	4,25	5,25	
337	015	100337	HOÀNG THỊ TIỀN	Nữ	28/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,2	0,00	7,50	2,50	6,75	
338	015	100338	NGUYỄN THỊ TIỀN	Nữ	01/07/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,2	6,4	0,00	6,00	1,00	3,75	
339	015	100339	TRẦN TRUNG TIỀN	Nam	19/04/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,1	0,00	6,50	7,00	6,75	
340	015	100340	NGUYỄN THỊ TÌNH	Nữ	11/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,5	0,00	7,25	7,00	6,00	
341	015	100341	TRẦN QUỐC TOẢN	Nam	25/03/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,3	0,00	8,00	5,00	6,25	
342	015	100342	TRẦN ĐÌNH TỐI	Nam	10/02/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,4	0,50	6,50	3,50	6,25	VĐBKK;
343	015	100343	ĐÌNH THỊ TRANG	Nữ	30/01/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,7	0,00	7,75	2,00	6,00	
344	015	100344	LÃ THU TRANG	Nữ	14/10/2004	BV Tỉnh Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,3	0,00	6,50	4,25	7,00	
345	015	100345	LÊ THỦY TRANG	Nữ	02/10/2004	Bệnh viện A Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,5	0,00	7,25	6,50	8,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
346	015	100346	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	01/08/2004	Trạm y tế xã Đại Nghĩa	Kinh	Tốt	TB	12,2	6,9	0,00	7,75	1,50	3,00	
347	015	100347	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	05/06/2004	Trung tâm y tế Đoàn Hùng	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,4	0,00	7,25	6,75	8,75	
348	015	100348	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	21/08/2004	Trạm y tế xã Nghinh Xuyên	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,7	0,00	6,50	4,25	5,25	
349	015	100349	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	29/08/2004	TP Yên Bái - Tỉnh Yên Bái	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,7	0,00	7,00	5,25	6,50	
350	015	100350	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	10/09/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	8,0	0,00	7,25	5,00	5,50	
351	015	100351	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	14/09/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,8	0,00	7,25	2,00	5,25	
352	015	100352	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	18/09/2004	Trung tâm y tế Đoàn Hùng	Kinh	Tốt	Khá	13,8	6,8	0,00	6,75	4,25	7,50	
353	015	100353	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	01/11/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,0	0,00	7,50	7,25	6,50	
354	015	100354	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	20/02/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	8,2	0,00	7,50	6,00	5,25	
355	015	100355	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	27/08/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,4	0,00	7,00	5,25	5,00	
356	015	100356	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	01/04/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,4	7,9	0,00	7,50	5,75	6,25	
357	015	100357	PHẠM THỦY TRANG	Nữ	07/11/2004	Bệnh viện ĐK Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Khá	15,4	7,7	0,00	7,25	5,25	6,50	
358	015	100358	TRẦN LỰC HUYỀN TRANG	Nữ	20/10/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,0	8,3	0,00	7,50	6,00	5,25	
359	015	100359	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	23/06/2004	Gia Lộc - Hải Dương	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,3	0,00	6,00	3,50	7,50	
360	015	100360	VŨ THỊ KIỀU TRANG	Nữ	30/04/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,0	8,3	0,00	7,75	4,25	8,50	
361	016	100361	NGUYỄN HUY TRUNG	Nam	05/02/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,2	0,00	6,00	4,75	7,75	
362	016	100362	ĐÀO XUÂN TRƯỜNG	Nam	29/04/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	7,8	0,00	6,25	4,50	8,50	
363	016	100363	TRẦN QUANG TRƯỜNG	Nam	18/06/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,7	0,00	7,25	4,25	7,50	
364	016	100364	LƯƠNG BẢO TUẤN	Nam	30/10/2004	BV Phụ sản Thái Bình	Kinh	Khá	TB	13,3	6,4	0,00	7,50	4,50	5,50	
365	016	100365	ĐỖ NGỌC TUẤN	Nam	25/05/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,7	8,4	0,00	8,00	5,00	7,50	
366	016	100366	LƯU QUỐC TUẤN	Nam	01/01/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,2	0,00	4,75	3,50	5,50	
367	016	100367	QUYỀN ANH TUẤN	Nam	08/02/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,3	0,00	7,00	2,50	5,75	
368	016	100368	PHÙNG ĐỨC TUỆ	Nam	26/10/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	16,0	8,1	0,00	6,25	5,75	8,00	
369	016	100369	PHAN THỊ HÀ TUYÊN	Nữ	04/01/2004	BVĐK Tuyên Quang	Kinh	Khá	TB	10,4	6,5	1,00	5,75	2,25	2,00	CTB2;
370	016	100370	NGUYỄN VŨ UY	Nam	20/11/2003	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	6,9	0,00	4,75	3,50	5,00	
371	016	100371	ĐẶNG THU UYÊN	Nữ	05/01/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	18,0	8,6	0,00	7,75	5,25	7,75	
372	016	100372	PHAN THỊ THANH UYÊN	Nữ	16/09/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,1	8,3	0,00	8,25	5,50	5,00	
373	016	100373	PHẠM ĐÌNH VÂN	Nam	10/06/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,4	5,7	0,50	6,00	1,50	2,50	VĐBKK;
374	016	100374	LÊ HỒNG VÂN	Nữ	21/01/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,6	0,00	8,00	6,00	6,75	
375	016	100375	NGUYỄN THỊ THẢO VÂN	Nữ	13/03/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,6	8,1	0,00	8,50	4,25	6,00	
376	016	100376	VŨ THỊ VÂN	Nữ	25/01/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,3	8,0	0,50	7,50	4,50	5,75	VĐBKK;
377	016	100377	BÙI VĂN VIỆT	Nam	14/02/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,0	6,7	0,00	6,25	2,75	4,00	
378	016	100378	LUYỆN NGUYỄN THÀNH VINH	Nam	16/05/2004	BVĐK tỉnh Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,5	0,00	7,50	5,50	5,25	
379	016	100379	PHẠM THỊ VUI	Nữ	15/04/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,9	0,00	7,50	3,50	4,50	
380	016	100380	NGUYỄN HOÀNG VŨ	Nam	26/08/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	8,3	0,00	8,00	7,50	8,00	
381	016	100381	NGUYỄN LÂM VŨ	Nam	23/12/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,0	6,7	0,00	4,50	3,25	6,25	
382	016	100382	TRẦN XUÂN VŨ	Nam	31/01/2004	Trạm y tế xã Văn Du	Kinh	Khá	TB	10,8	6,2	0,00	4,75	4,50	3,75	
383	016	100383	TRỊNH THẾ VŨ	Nam	13/06/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,2	0,00	8,00	2,75	4,75	
384	016	100384	LƯƠNG TRƯỜNG VƯƠNG	Nam	12/07/2004	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,4	5,7	0,00	5,50	5,25	3,25	

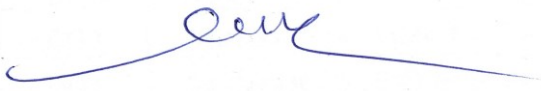
Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
385	017	100385	ĐẶNG THỊ ÚT XUYỀN	Nữ	08/03/2004	Bệnh Viện Tuyên Quang	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,8	0,00	5,50	4,50	4,25	
386	017	100386	CAO THỊ YẾN	Nữ	26/07/2003	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,1	0,00	7,25	5,25	6,00	
387	017	100387	DƯƠNG THỊ HẢI YẾN	Nữ	04/01/2004	Trạm y tế xã Đại Nghĩa	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,6	0,50	6,25	3,75	4,50	VĐBKK;
388	017	100388	LÊ THỊ HẢI YẾN	Nữ	25/11/2004	BV Phú Thọ - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,8	0,00	7,75	4,75	4,50	
389	017	100389	NGUYỄN ĐỖ HẢI YẾN	Nữ	12/09/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,7	0,00	8,00	6,00	3,00	
390	017	100390	NGUYỄN LÃ NGỌC YẾN	Nữ	15/06/2004	Bệnh viện Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,9	0,00	7,50	6,25	3,50	

Bảng này có 390 thí sinh đăng ký dự thi trong đó có:

+ Môn Ngữ văn có: 390 thí sinh dự thi.

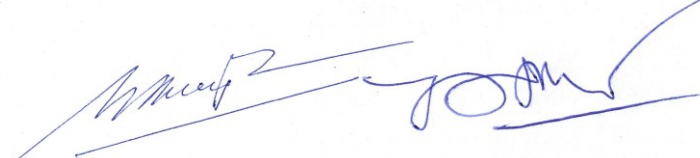
+ Môn Tiếng Anh có: 390 thí sinh dự thi.

NGƯỜI GHÉP ĐIỂM VÀ IN



Nguyễn Quốc Hương

NGƯỜI ĐỌC VÀ SOÁT BẢN IN



Hoàng Lê Tiến Dũng

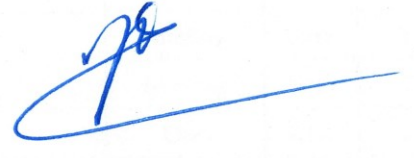


Phạm Hồng Sơn

Phú Thọ, ngày 13 tháng 6 năm 2019

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Quốc Lập

Phú Thọ, ngày 13 tháng 6 năm 2019

GIÁM ĐỐC





Trịnh Thế Truyền

Trang 11 / 11